

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 63/2022/DS-GĐT

Ngày 02-12-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Cường.
Các Thẩm phán: Ông Lê Tự và ông Đặng Kim Nhân.
- *Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.*
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.*

Ngày 02-12-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Thái Quang H**, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Nhà số 64 Đ, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư **Nguyễn H2 H1** - Văn phòng Luật sư Nguyễn H2 H1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H2**, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố M, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Luật sư **Trần Quốc T** - Văn phòng Luật sư Trần Quốc T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Thái Thị Tuyết M**, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Tổ 64 Đ, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

3.2. Chị Doãn Thị Ngọc L, sinh năm 1992; nơi đăng ký HKTT: Thôn H, xã B, huyện K, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở: Số 98 N, tổ dân phố T, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

3.3. Ông Phạm Hoàng V, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Nhà số 09 H, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

3.4. Anh Nguyễn Trí T1, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Số 12, Lô L, Khu biệt thự Đ, Phường 10, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.5. Ông M Kỳ N, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Nhà số 64 H, phường V thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

3.6. Bà Nguyễn Vũ Yến L1, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Nhà số 64 H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N và bà L2:

Luật sư **Trần Quốc T** - Văn phòng Luật sư Trần Quốc T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa.

3.7. Văn phòng Công chứng H - P.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1963 - Chức vụ: Trưởng văn phòng; địa chỉ: Số A9 - 26 đường H1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

3.8. Ông Trần Thái Quang H3; địa chỉ cư trú: Số 1, ngõ 88 V, quận H, thành phố Hà Nội.

3.9. Ông Phạm Anh T2, sinh năm 1970 - Văn phòng Công chứng H - P; địa chỉ: Số A9 - 26 H1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN THẤY:

Nguyên đơn, ông Trần Thái Quang H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H2 nhiều lần vay mượn tiền của ông để kinh doanh. Ngày 02-5-2015, ông và bà H2 thống nhất tổng hợp các khoản vay và lập “Hợp đồng vay tiền”, với tổng số tiền là 11.310.000.000 đồng (mười một tỷ ba trăm mười triệu đồng), trong hợp đồng có ghi bà H2 thế chấp căn nhà, đất đai tại địa chỉ số 145 - 147 N, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (tại thời điểm này, nhà đất đang được bà H2 thế chấp vay tiền tại Ngân hàng A, thời hạn vay đến ngày 22-10-2015).

Đến nay đã quá thời hạn, nhưng bà Nguyễn Thị H2 không trả số tiền nêu trên. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H2 phải trả cho ông số tiền gốc là 11.310.000.000 đồng (mười một tỷ ba trăm mười triệu đồng) và tiền lãi là 0,85%, thời hạn tính lãi từ ngày 22-10-2015 đến khi bà H2 thanh toán xong số nợ (Hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thể hiện, nguyên đơn và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi).

- Ngày 22-8-2018, Tòa án nhân dân thành phố R thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Trần Thái Quang H về việc tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 07-3-2017, giữa bà Nguyễn Thị H2 với ông M Kỳ N, bà Nguyễn Vũ Yến L1 vô hiệu, vì tài sản trong hợp đồng đã được thế chấp tại

Hợp đồng vay tiền ngày 02-5-2015 và cam kết chuyển nhượng tại Bảng kê chi tiết vay tiền từ ngày 22-10-2013 đến ngày 21-5-2015, giữa bà Nguyễn Thị H2 và ông Trần Thái Quang H.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Bị đơn khẳng định Hợp đồng vay tiền do ông Trần Thái Quang H xuất trình đề ngày 02-5-2015 và Bảng kê chi tiết ngày 02-5-2015, bà không biết. Sở dĩ có chữ ký và tên của bà ở phần cuối trang của các tài liệu này là do gần cuối năm 2014, bà và bà Thái Thị Tuyết M (mẹ của ông H) có mua chung mỏ cát và nhận chuyển nhượng Công ty TNHH TMDV và Xây dựng Đ của ông Phạm Hoàng V. Khi công ty hoạt động, ông Trần Thái Quang H làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, còn ông Hoàng Văn N (cháu bà) làm Giám đốc.

Trong thời gian khai thác mỏ cát, bà (H2), bà Thái Thị Tuyết M và ông Trần Thái Quang H có quen ông Lê Quang B là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty T. Bà, bà M và ông B hợp tác cùng nhau mở Chi nhánh công ty, bà M đứng tên Trưởng Văn phòng đại diện, có địa chỉ tại số 74/76 P, phường P, thành phố N, còn bà làm Giám đốc Chi nhánh T tại thành phố R. Quá trình làm ăn, ông B có nợ bà 5.047.000.000 đồng (trong số này, có tiền của bà M góp 820.000.000 đồng).

Cuối năm 2015, bà M và ông H đến gặp bà đề nghị tách số nợ mà Công ty T nợ riêng bà M nêu trên. Lúc này, ông H và bà M bảo bà ký không vào bốn tờ giấy A4 để về bà M tách riêng khoản nợ của bà ra khỏi khoản nợ chung của bà, đồng thời bà M nói làm giấy ủy quyền cho bà M đi đòi nợ luôn. Vì tin tưởng bà M, bà đã ký không vào bốn tờ giấy rồi đưa cho bà M và ông H, nhưng không ngờ ông H đã dùng các tờ giấy ký không nêu trên để hợp thức hóa thành Hợp đồng vay tiền và Bảng kê chi tiết ngày 02-5-2015. Vì vậy, bà không đồng ý trả số tiền 11.310.000.000 đồng cho ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Thái Thị Tuyết M trình bày:

Bà là mẹ ruột của ông Trần Thái Quang H, bà quen bà Nguyễn Thị H2 từ năm 2003 và chỉ là bạn bè bình thường. Đối với chị Doãn Thị Ngọc L2, bà không có mối quan hệ gì, mà chỉ biết bà L2 là Kế toán của bà H2. Việc ngày 06-3-2015, bà có chuyển khoản cho chị Doãn Thị Ngọc L2 500.000.000 đồng là do ông H nhờ chuyển, giấy chuyển khoản ghi nội dung mua hàng cho hợp thức hóa chứng từ của bà Nguyễn Thị H2.

- Chị Doãn Thị Ngọc L2 trình bày:

Khoảng tháng 8-2013, chị bắt đầu làm Kế toán thử việc cho Công ty Đ, địa chỉ số 56 H, thành phố N, do bà Nguyễn Thị H2 làm Giám đốc. Trong thời gian thử việc, bà H2 không giao cho chị giao nhận tiền, nên chị không biết khoản tiền mặt nào ông Trần Thái Quang H giao hay nhận với chị.

Cuối tháng 10-2013 (thời điểm bà Nguyễn Thị H2 bị khởi tố về tội “Trốn thuế”), thì Văn phòng Công ty ở số 56 H, thành phố N do bà H2 làm Giám đốc bị Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giấy tờ và tiến hành niêm phong (cũng trong thời gian này, bà H2 đang điều trị tại Thành phố Hồ Chí Minh), nên chị về lại thành phố R.

Khoảng tháng 9-2014, bà Nguyễn Thị H2 và bà Thái Thị Tuyết M (mẹ của ông Hòa) có góp vốn để mua lại mỏ cát của ông Phạm Hoàng V ở N. Bà H2 có gọi chị vào làm Kế toán của Công ty Đ, do ông Hòa làm Chủ tịch Hội đồng thành viên. Khi Công ty Đ đi và hoạt động, chị được nhận làm Kế toán viên của công ty, được giao theo dõi và liệt kê sổ sách các khoản chi phí mua sắm vật tư, sửa chữa máy móc trong công trình, chi phí nhân công. Thời gian này, bà M và bà H2 có quen một người tên Lê Quang B làm ở Công ty T và có nhờ ông B cùng hợp tác để xin thêm mỏ cát (sát khu vực khai thác của mỏ Đ). Theo chị được biết, giữa ông B và bà M có vay mượn tiền bạc, nhưng do ông B không trả đúng hẹn mà bỏ trốn, nên mỏ cát T đã xảy ra tranh chấp.

Khoảng cuối năm 2015, bà M và ông H đến nhà bà H2 bàn về việc đòi nợ tiền ông B (trong đó có 820.000.000 đồng của bà M). Bà M muốn tách tiền riêng của bà để tự đi đòi ông B, bà H2 gọi chị qua và nói chị đưa mấy tờ giấy A4 và một cây bút bi, chị thấy bà H2 ký không chữ ký của mình vào mấy tờ giấy A4. Sau đó, bà H2 còn lấy thêm một tờ giấy trắng đã ký sẵn trên bàn làm việc và đưa cho ông Hòa và bà M giữ. Ông H và bà M sử dụng những tờ giấy có chữ ký không của bà H2 làm gì, thì chị không biết.

Đối với hai khoản tiền ông Trần Thái Quang H khai chuyển trực tiếp vào tài khoản của chị, chị có ý kiến: (1) Khoản tiền 600.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của chị ngày 10-10-2014 là tiền ông H chuyển cho chị để trả tiền góp cổ phần mua mỏ cát Đ cùng với bà H2, vì trước đó bà H2 đã thay mặt bà M và ông H trả tiền mua mỏ cát cho ông Phạm Hoàng V, nên giờ ông H gửi trả lại, (2) khoản tiền 500.000.000 đồng mà bà M chuyển vào tài khoản của chị ngày 06-3-2015 là tiền ông H nhờ bà M chuyển để chị chi phí máy móc, nhân công cho Công ty Đ. Ngoài hai khoản tiền trên, chị chưa bao giờ nhận tiền mặt từ ông Trần Thái Quang H.

- Ông M Kỳ N và bà Nguyễn Vũ Yến L1 trình bày:

Được sự đồng ý của Ngân hàng TMCP A và bên chuyển nhượng, ông bà đã đóng tiền để giải chấp nhà, đất tại địa chỉ số 145-147 N, phường X, thành phố N, được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB38993, số vào sổ cấp GCNN CH00065/222342 ngày 06-12-2010 cho bà Nguyễn Thị H2. Ngoài ra, tài sản nhà đất tại số 145 - 147 N không đảm bảo cho bất kỳ nghĩa vụ nào khác. Tiếp đó, ông bà chính thức lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất với bà Nguyễn Thị H2 và được Văn phòng Công chứng H - P công chứng ngày 07-3-2017. Cùng ngày, ông bà đã nộp toàn bộ hồ sơ nhận quyền chuyển nhượng đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại N để đăng ký sang tên, hiện nay ông, bà đã nộp thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Ông, bà đã giao đủ tiền nhận chuyển nhượng, bên chuyển nhượng cũng đã bàn giao nhà đất và toàn bộ giấy tờ cho ông, bà trực tiếp quản lý, sử dụng là đúng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các điểm a, b, c khoản 1, khoản 3 Điều 188 của Luật Đất đai năm 2014.

Sau khi Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2017/DS ST ngày 01-12-2017 của Tòa án nhân dân thành phố R bị Tòa án cấp phúc thẩm hủy và chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm lại, Tòa án nhân dân thành phố R đã hủy bỏ Quyết

định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2017/QĐ-BPKCTT ngày 31-3-2017 và tiếp tục ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2018/QĐ-BPKCTT ngày 07-9-2018 “Kê biên tài sản có tranh chấp”.

Ngày 24-6-2019, Tòa án nhân dân thành phố R thụ lý yêu cầu phản tố của ông, bà về việc yêu cầu Tòa án công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ký kết ngày 7/3/2017, giữa bà Nguyễn Thị H2 với ông, bà có hiệu lực pháp luật và hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2018/QĐ-BPKCTT ngày 07-9-2018 của Tòa án nhân dân thành phố R.

- *Anh Nguyễn Trí T1 trình bày:*

Anh không biết mặt và không làm ăn, kinh doanh với bà Nguyễn Thị H2 và ông Trần Thái Quang H. Số tài khoản 6090205389925 là do anh đứng tên tại Ngân hàng N - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu ở đường 30/4, thành phố B, nhưng anh không biết số tiền này có chuyển vào tài khoản của anh không, vì tài khoản này anh đã đóng từ lâu (không nhớ thời gian).

Tại bản tự khai ngày 27-9-2019, anh Nguyễn Trí T1 thay đổi lời khai, cho rằng anh không quen biết và làm ăn với ông Trần Thái Quang H, bà Nguyễn Thị H2, chị Doãn Thị Ngọc L2. anh chỉ làm ăn với một người đàn ông tên L3 ở Đồng Nai. Trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2017, ông L3 thường xuyên giao dịch chuyển tiền cho anh, mỗi lần chuyển tiền thì điện thoại thông báo có người chuyển tiền vào tài khoản của anh, còn thực tế ai là người chuyển tiền anh không biết. Anh thừa nhận ngày 24-7-2014, anh có nhận được 400.000.000 đồng do ông L3 thông báo chuyển vào tài khoản số 6090205389925 tại Ngân hàng N- Chi nhánh Vũng Tàu và ngày 25-7-2014, anh đã rút số tiền trên giải quyết công việc kinh doanh của mình, chứ không chuyển tiền cho bà Nguyễn Thị H2.

- *Ông Phạm Hoàng V trình bày:*

Ông sở hữu một mỏ cát đang khai thác tại thành phố R và có ý định sang nhượng lại. Thời điểm này, bà Nguyễn Thị H2 trú tại Tổ dân phố M, phường C, thành phố R có liên hệ thỏa thuận mua lại mỏ cát này. Ngày 05-9-2014, sau khi thỏa thuận, thống nhất giá chuyển nhượng, bà H2 hẹn trong vòng 15 ngày sẽ chuyển đủ số tiền nhận chuyển nhượng cho ông. Ngày 16-9-2014, ông nhận điện thoại của bà H2 nói sẽ có người chuyển vào tài khoản Ngân hàng Q cho ông số tiền 400.000.000 đồng. Sau đó, ông có nhận được 400.000.000 đồng trong tài khoản và người chuyển là ông Trần Thái Quang H. Sau khi nhận tiền, ông gọi điện xác nhận với bà Nguyễn Thị H2 về việc đã nhận số tiền trên. Bản thân ông chỉ biết ông H có chuyển tiền cho ông, chứ trước giờ không biết ông Hòa là ai, ở đâu và chưa giao dịch gì với ông H.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Hoàng V thay đổi lời khai khi xác định số tiền 400.000.000 đồng là tiền bà Thái Thị Tuyết M (mẹ ông Hòa) chuyển mua mỏ Cát. Nội dung ông đã khai trong bản tường trình ngày 13-3-2017 là do ông H đánh sẵn và đề nghị ông ký xác nhận, do không đọc kỹ nên ông đã ký.

- *Đại diện Văn phòng Công chứng H - P là bà Hoàng Thị H trình bày:*

Văn phòng Công chứng H - P đã phân công cho Công chứng viên Phạm Anh T2

thực hiện công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 07-3-2017 theo đúng quy định của pháp luật, nên đề nghị Tòa giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Ông Phạm Anh T2 trình bày:

Ông là Công chứng viên tại Văn phòng Công chứng H - P. Ngày 07-3-2017, ông có thực hiện công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2017 TP/SCC/HĐGD, giữa bà Nguyễn Thị H2 với ông M Kỳ N, bà Nguyễn Vũ Yến L1. Ông đã thực hiện việc công chứng theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên bố hợp đồng trên vô hiệu, ông không có ý kiến gì, mà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông không được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng đồng ý tham gia tố tụng từ giai đoạn phúc thẩm và không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DS-ST ngày 28-10-2019 của Tòa án nhân dân thành phố R.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DS-ST ngày 28-10-2019, Tòa án nhân dân thành phố R quyết định:

Căn cứ Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 500, 501 và 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 35, 227, 228 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn; buộc bà Nguyễn Thị H2 phải trả cho ông Trần Thái Quang H 10.710.000.000 đồng (mười tỷ bảy trăm mười triệu đồng).

- Bác yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu bà Nguyễn Thị H2 phải trả cho ông Trần Thái Quang H 02 khoản tiền mà ông H đã chuyển cho ông Phạm Hoàng V và anh Nguyễn Trí T1, với tổng số tiền là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn.

- Bác yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mai Kỳ N, bà Nguyễn Vũ Yến L1: Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (tại địa chỉ 145 - 147 N, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh hòa đã được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB638993, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00065/222342 ngày 06-12-2010 cho bà Nguyễn Thị H2) đã ký kết ngày 07-3-2017, giữa bà Nguyễn Thị H2 với ông Mai Kỳ N, bà Nguyễn Vũ Yến L1

Bà Nguyễn Thị H2, ông Mai Kỳ N và bà Nguyễn Vũ Yến L1 có nghĩa vụ đăng ký với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn thành thủ tục sang tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2018/QĐ-BPKCTT ngày 07-9-2018 của Tòa án nhân dân thành phố R; trả lại cho ông Trần Thái Quang H

số tiền nộp bảo đảm là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) tại Tài khoản phong tỏa số 0581000736129 của Tòa án nhân dân thành phố R tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh N - Phòng Giao dịch thành phố R khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 21-11-2019, nguyên đơn là ông Trần Thái Quang H kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, buộc bà Nguyễn Thị H2 phải trả cho ông 11.310.000.000 đồng; tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 07-3-2017, giữa bà Nguyễn Thị H2 với bà Nguyễn Vũ Yến L1 và ông Mai Kỳ Ngộ vô hiệu; không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông N, bà L1 và giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án (ông H vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm và nhận được Bản án sơ thẩm ngày 15-11-2019).

- Ngày 29-10-2019, bị đơn là bà Nguyễn Thị H2 kháng cáo, yêu cầu xem xét lại phần quyết định của bản án sơ thẩm buộc bà phải trả cho nguyên đơn số tiền 10.710.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 52/2020/DS-PT ngày 26-10-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 148, Điều 294, Điều 296, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn là ông Trần Thái Quang H; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị H2.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DSST ngày 28-10-2019 của Tòa án nhân dân thành phố R.

Áp dụng Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 500, 501 và 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thái Quang H, buộc bà Nguyễn Thị H2 phải trả cho ông Trần Thái Quang H 11.310.000.000 đồng (mười một tỷ ba trăm mười triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn.

2. Bác yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất vô hiệu của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mai Kỳ Ngộ, bà Nguyễn Vũ Yến L1:

- Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (tại địa chỉ 145 - 147 N, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 638993, sổ vào sổ cấp GCNN CH 00065/222342 ngày 06-12-2010 cho bà Nguyễn Thị H2) đã ký kết ngày 07-3-2017, giữa bà Nguyễn Thị H2 với ông Mai Kỳ Ngộ, bà Nguyễn Vũ Yến L1.

- Bà Nguyễn Thị H2 và ông Mai Kỳ Ngộ, bà Nguyễn Vũ Yến L1 có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn thành thủ tục sang tên quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thái Quang H về việc tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2018/QĐ-BPKCTT ngày 07-9-2018 của Tòa án nhân dân thành phố R.

4. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2018/QĐ-BPKCTT ngày 07-9-2018 của Tòa án nhân dân thành phố R. Trả lại cho ông Trần Thái Quang H số tiền nộp bảo đảm là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) tại Tài khoản phong tỏa số 0581000736129 của Tòa án nhân dân thành phố R tại Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh N - Phòng Giao dịch thành phố R.

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

- Ngày 25-3-2021, bị đơn là bà Nguyễn Thị H2 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, đề nghị hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và một phần bản án dân sự phúc thẩm, theo hướng hủy phần quyết định buộc bà phải trả cho nguyên đơn số tiền 11.310.000.000 đồng.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 28/2022/KN-DS ngày 10-10-2022, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 52/2020/DS-PT ngày 26-10-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa về phần "... Buộc bà Nguyễn Thị H2 phải trả cho ông Trần Thái Quang H số tiền 11.310.000.000 đồng" và Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DS-ST ngày 28-10-2019 của Tòa án nhân dân thành phố R về phần "... Buộc bà Nguyễn Thị H2 phải trả cho ông Trần Thái Quang H 10.710.000.000 đồng"; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nguyên đơn, ông Trần Thái Quang H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H2 phải trả nợ, tổng cộng là 11.310.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp hai tài liệu, chứng cứ là: "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 02-5-2015, giữa ông Trần Thái Quang H và bà Nguyễn Thị H2 (bút lục số 09) và "Bảng kê chi tiết vay tiền từ ngày 22-10-2013 đến 21-5-2015" (bút lục số 92). Bị đơn, bà Nguyễn Thị H2 khẳng định không vay tiền của ông H và cho rằng, trong quá trình làm ăn chung với bà Thái Thị Tuyết M (mẹ của ông H), bà có ký khống cho bà M 04 tờ giấy A4 (trong đó 02 tờ bà M dùng trong việc đòi tiền của ông Lê Quang Bình cho thuận tiện; 02 tờ còn lại bà M và ông H sử dụng ghi thành "Hợp đồng vay tiền" và "Bảng kê chi tiết vay tiền từ ngày 22-10-2013 đến 21-5-2015" để nhằm chiếm đoạt tài sản của bà.

Mặc dù, kết quả giám định kết luận chữ ký và chữ viết Nguyễn Thị H2 trên hai chứng từ này do bị đơn (Nguyễn Thị H2) ký và viết ra. Tuy nhiên, trong Bảng kê chi tiết vay tiền có nhiều nội dung không phù hợp, cụ thể:

[1.1]. Hợp đồng vay tiền ngày 02-5-2015, thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị H2 đã nhận 11.310.000.000 đồng và tại bảng kê này bà H2 vay tiền của ông H là 15 lần, trong đó có 12 khoản tiền ông H cho bà H2 vay, nhưng thể hiện người nhận tiền của ông H là bà Doãn Thị Ngọc L2, 01 khoản tiền 400.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của anh Nguyễn Trí T1 ngày 24-7-2014, 01 khoản tiền 400.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của ông Phạm Hoàng V ngày 16-9-2014 và 01 khoản tiền 300.000.000 đồng đưa trực tiếp cho bà H2 ngày 02-5-2015. Quá trình giải quyết vụ án, bà Linh không thừa nhận đã nhận toàn bộ số tiền trên, mà chỉ thừa nhận 02 khoản tiền do ông H và bà M chuyển vào tài khoản của bà, nhưng không phải là tiền ông H cho bà H2 vay, mà là tiền ông H thanh toán tiền mua hàng hóa, vật tư cho Công ty Đt.

[1.2]. Đối với khoản tiền 6.500.000.000 đồng:

Thể hiện trong “Bảng kê chi tiết cô H2 mượn tiền của H từ ngày 22-10-2013 đến 02-5-2015” là số tiền mà bà Nguyễn Thị H2 điện thoại nói ông H đưa cho bà Doãn Thị Ngọc L2 (Kế toán) nhận tại nhà số 56 H để nộp vào Ngân hàng B - Chi nhánh Thái Nguyên, thành phố N để rút Giấy CNQSDĐ nhà số 56 H đang thế chấp (bút lục số 43). Tuy nhiên, bà L2 không thừa nhận đã nhận khoản tiền này và khẳng định bà không phải là người nộp tiền để giải chấp nhà đất tại số 56 H, mà là ông Trần Thái Quang H3 (anh trai ông H) là người nộp tiền vào tài khoản của Công ty Đ để giải chấp căn nhà này. Bị đơn (Nguyễn Thị H2) cho rằng đây là khoản tiền có ý nghĩa khác, không phải là khoản tiền mà bị đơn vay của nguyên đơn, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đều nhận định “Đây là khoản tiền bị đơn vay của nguyên đơn” là chưa đánh giá toàn diện, khách quan các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bởi lẽ:

- Tại Công văn số 103/CV-ABBKH.17 ngày 24-11-2017, Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Khánh Hòa cung cấp thông tin cho Tòa án thể hiện: Ông Trần Thái Quang H3 nộp tiền vào tài khoản Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đ (chủ sở hữu căn nhà số 56 H) ngày 22-10-2013, giao dịch này chỉ thể hiện nộp tiền vào tài khoản, không thể hiện nội dung giải chấp căn nhà số 56 H. Tuy nhiên, trên Sổ phụ tài khoản của Công ty Đ cùng ngày 22-10-2013 thể hiện bà Nguyễn Thu N nộp vào tài khoản Công ty 1.499.505.000 đồng và bà Nguyễn Thị Thúy H4 nộp tài khoản Công ty 1.100.000.000 đồng; số dư tài khoản công ty lúc này là 7.001.699.608 đồng và cùng ngày 22-10-2013, Ngân hàng thu nợ lãi 61.567.783 đồng và trả tiền gốc 7.500.000.000 đồng, số dư tài khoản là 40.101.825 đồng.

- Ông Trần Thái Quang H trình bày tại Bản tự khai ngày 24-6-2019 (bút số 762): “Số tiền thực tế mua căn nhà số 56 Hoàng Văn Thụ là 12.500.000.000 đồng, trước đó ông đã thanh toán cho bà Nguyễn Thị H2 7.500.000.000 đồng. Vào ngày bà H2 giải chấp rút sổ đỏ, ông có nhờ anh ruột là Trần Thái Quang H3 nộp thêm 5.000.000.000 đồng vào tài khoản của công ty bà H2, khoản tiền đó là của ông và anh ông, không liên quan đến việc mua bán căn nhà số 56 H. Số tiền 6.500.000.000 đồng là bà H2

mượn riêng, không liên quan đến việc mua bán nhà số 56 Ho”. Tuy nhiên, ông H không cung cấp được chứng cứ đã trả 7.500.000.000 đồng tiền mua căn nhà trước ngày 22-10-2013, do đó cần đối chất làm rõ có việc trong cùng ngày 22-10-2013, ông H vừa đưa tiền cho ông H3 (anh của ông H) nộp vào Ngân hàng để giải chấp căn nhà, vừa cho bà H2 vay 6.500.000.000 đồng không?; trong khi đó, lời trình bày của bị đơn (bà H2) tại Đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ ngày 30-5-2019 (bút lục số 738) là vào năm 2013, ông Trần Thái Quang H mua căn nhà số 56 H của Công ty Đ do bà làm Giám đốc với giá 7.500.000.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT). Vào thời điểm ông H mua, thì căn nhà số 56 H đang được Công ty Đ thế chấp tại Ngân hàng B - Chi nhánh N. Được sự đồng ý của Công ty Đ, ông H là người trực tiếp nộp tiền vào Ngân hàng B - Chi nhánh N (khoảng 5.000.000.000 đồng) để giải chấp và làm thủ tục mua nhà; đồng thời, bà H2 cung cấp H đơn giá trị gia tăng ngày 23-10-2013 (sau một ngày ông H3 nộp tiền vào Ngân hàng để giải chấp căn nhà số 56 H) của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đ bán căn nhà số 56 H cho ông Trần Thái Quang H với giá 7.500.000.000 đồng (bút lục số 736). Điều này cho thấy, theo “Bảng kê chi tiết cô H2 mượn tiền của H từ ngày 22-10-2013 đến ngày 02-5-2015”, ông H ghi có giao cho bà L2 6.500.000.000 đồng vào ngày 22-10-2013 để bà L2 nộp vào Ngân hàng B - Chi nhánh N với mục đích giải chấp căn nhà số 56 H là không chính xác. Do đó, cũng cần đối chất, làm rõ các nội dung nêu trên để làm cơ sở giải quyết đối với số tiền 6.500.000.000 đồng này.

[1.3]. Đối với khoản tiền 400.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của anh Nguyễn Trí T1 tại Ngân hàng N - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu:

Tại Bản tự khai ngày 27-9-2019, anh Nguyễn Trí T1 khai không quen biết và không có quan hệ làm ăn với bà Nguyễn Thị H2 và ông Trần Thái Quang H. Số tài khoản 6090205389925 là do anh đứng tên tại Ngân hàng N - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu. Anh thừa nhận ngày 24-7-2014, có nhận 400.000.000 đồng do ông L3 (không nhớ họ tên đầy đủ) trả, người chuyển tiền vào tài khoản là ai, anh không biết. Ngày 25-7-2014, anh đã rút hết tiền để giải quyết việc làm ăn, chứ không chuyển tiền cho bà H2, vì anh không làm ăn với bà H2. Như vậy, cần xác minh làm rõ người sử dụng số tiền mà ông H chuyển là ai, có liên quan đến bà H2 không? thì mới đủ căn cứ để giải quyết đối với số tiền này.

[1.4]. Đối với khoản tiền 400.000.000 đồng do ông Trần Thái Quang H chuyển vào tài khoản của ông Phạm Hoàng V ngày 16-9-2014 tại Ngân hàng Q (đường L, thành phố N):

Lúc đầu ông Phạm Hoàng V khai không biết ông Trần Thái Quang H và ông H chuyển tiền cho ông theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị H2, nhưng sau đó thay đổi lời khai, cho rằng ông H chuyển tiền cho ông để trả phần tiền mà bà Thái Thị Tuyết M (mẹ của ông H) mua mỏ cát chung với bà H2. Vì vậy, cũng cần mời ông Vũ, bà M và bà H2 để đối chất làm rõ nội dung bà M và bà H2 có mua chung mỏ cát không?. Khi chưa làm rõ nội dung này, thì không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông H, buộc bà H2 trả nợ khoản tiền này.

[1.5]. Đối với 12 khoản tiền còn lại thể hiện trong Bảng kê chi tiết:

Tại “Bảng kê chi tiết cô H2 mượn tiền của H từ ngày 22-10-2013 đến ngày 02-

5-2015” thể hiện 01 khoản vay 300.000.000 đồng là do bà Nguyễn Thị H2 nhận trực tiếp ngày 02-5-2015, nhưng hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ thể hiện bà H2 nhận tiền. Ngoài ra, bảng kê chi tiết thể hiện bà Doãn Thị Ngọc L2 là người nhận 11 khoản, nhưng bà L2 chỉ thừa nhận nhận 02 khoản (một khoản 600.000.000 đồng chuyển khoản từ ông H qua bà L2 và 01 khoản 500.000.000 đồng bà M chuyển vào tài khoản bà L2) và khẳng định đây là số tiền ông H chuyển để mua hàng hóa, vật tư phục vụ việc khai thác cát, không phải chuyển cho bà H2 vay. Tại Ủy nhiệm chi ngày 06-3-2015 (bút lục số 35) cũng thể hiện bà Thái Thị Tuyết M (mẹ của ông H) chuyển tiền vào tài khoản của bà L2 500.000.000 đồng, nội dung là “Chuyển tiền mua hàng”; tại Giấy nộp tiền ngày 10-10-2014 (bút lục số 37) thể hiện ông H nộp tiền vào tài khoản của bà L2, nhưng không ghi mục đích chuyển tiền; 09 khoản còn lại thể hiện trong Bảng kê chi tiết tiền vay là bà L2 đến nhận tiền trực tiếp, nhưng bà L2 phản đối nội dung này và cho rằng không có tài liệu nào thể hiện bà đã nhận tiền. Ngoài ra, bà L2 còn cung cấp một số tài liệu, chứng cứ chứng minh thời gian nguyên đơn (ông H) cho rằng giao tiền trực tiếp cho bà L2 (ngày 25-9-2014 và ngày 02-10-2014), thì bà L2 đang ở Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục số 378 - 382).

Như vậy, cần thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến hoạt động của Công ty Đ và tiến hành đối chất để làm rõ số tiền nêu trên; đồng thời, cần làm rõ bản chất nội dung “Bảng kê chi tiết cô H2 mượn tiền của H từ ngày 22-10-2013 đến 21-5-2015”, trong đó ai là người chuyển tiền, ai là người nhận tiền và nhận như thế nào? ngoài ra, cần xác minh, thu thập thêm tài liệu, chứng cứ liên quan đến nguồn gốc tài sản của nguyên đơn (ông H) để tham khảo, làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2]. Mặc dù, chưa làm rõ được những nội dung nêu trên, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị H2 phải trả cho ông Trần Thái Quang H 10.710.000.000 đồng (mười tỷ bảy trăm mười triệu đồng). Tòa án cấp phúc thẩm không khắc phục được sai lầm của Tòa án cấp sơ thẩm, từ đó chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị H2 phải trả cho anh Trần Thái Quang H số tiền 11.310.000.000 đồng (mười một tỷ ba trăm mười triệu đồng) là chưa đánh giá toàn diện, khách quan các nội dung liên quan đến vụ án.

Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, cần hủy bản án dân sự phúc thẩm và bản án dân sự sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343 và Điều 345 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 52/2020/DS-PT ngày 26-10-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa về Phần “... Buộc bà Nguyễn Thị H2 phải trả cho ông Trần Thái Quang H số tiền 11.310.000.000 đồng” và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DS-ST ngày 28-10-2019 của Tòa án nhân dân thành phố R về Phần

“... Buộc bà Nguyễn Thị H2 phải trả cho ông Trần Thái Quang H 10.710.000.000 đồng”.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, theo đúng quy định pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra Quyết định.

Nơi nhận:

- TAND thành phố R
(02 bản, kèm hồ sơ vụ án);
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- TANDTC - Vụ II;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân thành phố R;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng GDKT II, HCTP và LTHS.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Cường